**ÔN THI VÀO 10 - DỰ ÁN 2**

**THƠ SONG THẤT LỤC BÁT - NGHỊ LUẬN XÃ HỘI - NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

***(Trần Thị Thảo - Trường THCS Hải Nam, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định)***

**Phần I. Đọc hiểu** **(4,0 điểm)**

 **Đọc văn bản sau:**

*Áo chàng đỏ tựa ráng pha,*

*Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in.*

*Tiếng nhạc ngựa lần chen tiếng trống,*

*Giáp mặt rồi phút bỗng chia tay.*

*Hà lương (1) chia rẽ đường này*

*Bên đường trông lá cờ bay ngùi ngùi.*

*Quân trước đã gần ngoài doanh Liễu, (2)*

*Ngựa sau còn khuất nẻo Tràng Dương. (3)*

*Quân đưa chàng ruổi lên đường,*

*Liễu dương biết thiếp đoạn trường này chăng?*

*Tiếng địch thổi nghe chừng đồng vọng.*

*Hàng cờ bay trông bóng phất phơ.*

*Dấu chàng theo lớp mây đưa,*

*Thiếp nhìn rặng núi ngẩn ngơ nỗi nhà.*

*Chàng thì đi cõi xa mưa gió,*

*Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn.*

*Đoái trông theo đã cách ngăn*

*Tuôn màu mây biếc trải ngần (4) núi xanh.*

*Chốn Hàm Kinh (5) chàng còn ngoảnh lại,*

*Bến Tiêu Tương (6) thiếp hãy trông sang.*

*Khói Tiêu Tương cách Hàm Dương,*

*Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng*

*Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,*

*Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu.*

*Ngàn dâu xanh ngắt một màu,*

*Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?*

*(Trích Chinh phụ ngâm khúc, Đặng Trần Côn, "Những khúc ngâm chọn lọc",*

*tập I, NXB Giáo dục, 1994, tr. 40,41)*

**Chú thích**:

1. *Hà Lương*: (hà: sông, lương: cầu). Ngày xưa tiễn đưa nhau thường đến chốn "cầu sông".
2. *Liễu*: (Tế Liễu). Vua Hán Văn Đế đến doanh Tế Liễu là nơi đồn quân của tướng Chu á Phu để khao thưởng quân sĩ.
3. *Tràng Dương*: Tên đất (cũng là tên cung của nhà Tần).
4. *Ngần*: vết ngấn, vết hằn in.
5. *Hàm Kinh*: kinh đô Hàm Dương thời nhà Tần, nơi từng xảy ra nhiều trận chiến ác liệt.
6. *Tiêu Tương*: nay thuộc tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc. tương truyền hai chị em Nga Hoàng và Nữ Anh cùng làm vợ vua Thuấn. Vua Thuấn đi giúp dân trừ hoạ lâu không về nên hai người vợ đi tìm. Hai người đi đến đất Tiêu Tương thì biết tin chồng đã mất, nên khóc đến chảy máu mắt. Máu dính lên thân trúc làm xuất hiện những đốm sẫm màu gọi là trúc Tiêu Tương).

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1**. Đoạn thơ được viết theo thể thơ gì?

**Câu 2**. Xác định các cặp từ hiệp vần trong bốn câu thơ cuối đoạn?

**Câu 3**. Khái quát nội dung chính của đoạn thơ.

**Câu 4**. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ điệp từ trong hai câu thơ sau:

*Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,*

*Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu.*

*Ngàn dâu xanh ngắt một màu,*

*Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?*

**Câu 5**. Nhận xét về tác phẩm “*Chinh phụ ngâm khúc”,* có ý kiến cho rằng: “Khúc ngâm là tấm lòng đồng cảm, xót thương của nhà thơ đối với cả người ra đi (chinh phu) và người ở lại (chinh phụ)”. Em có đồng tình với ý kiến trên không? Vì sao?

**Phần II: Viết(6,0 điểm)**

**Câu 1: Nghị luận xã hội (2,0 điểm)**

 Em hãy viết đoạn văn nêu vai trò của gia đình đối với mỗi con người.

**Câu 2: Nghị luận văn học (4,0 điểm)**

Em hãy viết bài văn phân tích văn bản *Ai tư vãn* của Lê Ngọc Hân

**AI TƯ VÃN**

(Trích)

*Gió hiu hắt, phòng tiêu lạnh lẽo,*

*Trước thềm lan hoa héo ron ron!*

*Cầu Tiên khói toả đỉnh non,*

*Xe rồng thăm thẳm, bóng loan rầu rầu!*

*Nỗi lai lịch dễ hầu than thở,*

*Trách nhân duyên mờ lỡ cớ sao?*

*Sầu sầu, thảm thảm xiết bao,*

*Sầu đầy giạt bể, thảm cao ngất trời!*

*Từ cờ thắm trỏ vời cõi Bắc,*

*Nghĩa tôn phò vằng vặc bóng dương,*

*Rút dây vâng mệnh phụ hoàng,*

*Thuyền lan, chèo quế thuận đường vu qui.*

*Trăm ngàn dặm quản chi non nước,*

*Chữ nghi gia mừng được phải duyên,*

*Sang yêu muôn đội ơn trên,*

*Rỡ ràng vẻ thuý, nối chen tiếng cầm.*

*Lượng che chở, vụng lầm nào kể,*

*Phận đinh ninh cặn kẽ mọi lời,*

*Dầu rằng non nước biến dời,*

*Nguồn tình ắt chẳng chút vơi đâu là.*

*Lòng đùm bọc thương hoa đoái cội,*

*Khắp tôn thân cũng đội ơn sang,*

*Miếu đường còn dấu chưng thường,*

*Tùng thu còn rậm mấy hàng xanh xanh.*

*Nhờ hồng phúc, đôi cành hoè quế,*

*Đượm hơi dương, dây rễ cùng tươi.*

*Non Nam lần chúc tuổi trời,*

*Dâng câu thiên bảo, bày lời Hoa phong.*

*Những ao ước trập trùng tuổi hạc,*

*Nguyền trăm năm ngỡ được vầy vui,*

*Nào hay sông cạn, bể vùi,*

*Lòng trời tráo trở, vận người biệt ly!*

*Từ nắng hạ, mưa thu trái tiết,*

*Xót mình rồng mỏi mệt chẳng yên!*

*Xiết bao kinh sợ lo phiền,*

*Miếu thần đã đảo, thuốc tiên lại cầu.*

*Khắp mọi chốn đâu đâu tìm rước.*

*Phương pháp nào đổi được cùng chăng?*

*Ngán thay, máy Tạo bất bằng!*

*Bóng mây thoắt đã ngất chừng xe loan!*

*Cuộc tụ, tán, bi, hoàn kíp bấy!*

*Kể sum vầy đã mấy năm nay?*

*Lênh đênh chút phận bèo mây,*

*Duyên kia đã vậy, thân này nương đâu!*

*Trằn trọc luống đêm thâu, ngày tối,*

*Biết cậy ai dập nỗi bi thương?*

*Trong mong luống những mơ màng,*

*Mơ hồ bằng mộng, bàng hoàng như say.*

*Khi trận gió, hoa bay thấp thoáng,*

*Ngỡ hương trời bảng lảng còn đâu:*

*Vội vàng sửa áo lên chầu,*

*Thương ôi, quạnh quẽ trước lầu nhện chăng!*

(Trích *Ai tư vãn*, Lê Ngọc Hân)

**Chú thích:**

\* *Ai tư vãn* là một tác phẩm viết bằng chữ Nôm, tương truyền bài thơ này là do Bắc Cung Hoàng hậu Lê Ngọc Hân viết khóc phu quân là Quang Trung Hoàng đế Nguyễn Huệ khi hoàng đế băng hà.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Hướng dẫn chấm** | **Điểm** |
| **Phần I** | **1** | - Thể thơ: Song thất lục bát | **0.5** |
| **2** | - Các cặp từ hiệp vần trong bốn câu thơ cuối đoạn trích:* *thấy - mấy;*
* *dâu - màu*

*màu - sầu* | **0.5** |
| **3** | Nội dung đoạn thơ:+ Hình ảnh, tâm trạng của người chinh phu trong ngày từ biệt gia đình, quê hương để xông pha trận mạc.+ Thể hiện tình cảm yêu thương, quan tâm, lo lắng cho chồng và nỗi buồn li biệt của người chinh phụ. | **0.25****0.25** |
| **4** | \* Điệp từ: cùng, thấy, ngàn dâu\* Tác dụng- Làm cho câu thơ trở nên gợi hình, gợi cảm, cụ thể, sinh động, tạo sự nhịp nhàng, liên kết giữa các câu thơ và tăng hiệu quả của sự diễn đạt- Nhấn mạnh trong buổi chia ly người chinh phu và người chinh phụ khi chia tay nhau cùng ngoái lại đoái trông để tìm kiếm lại hình bóng của nhau nhưng chẳng thấy chỉ thấy xanh ngắt một màu xanh bạt ngàn của bãi dâu. - Thể hiện tình cảm yêu thương, đau đớn, xót xa của tác giả đối với 2 vợ chồng chinh phụ- Từ đó tác giả nhắn nhủ mỗi chúng ta cần phải yêu thương và trân trọng những người thân trong gia đình. | **0.5****0.25****0.5****0.25****0.25** |
| **5** | - Đồng tình. Vì:+ Khúc ngâm là sự thấu hiểu, đồng cảm, xót xa của nhà thơ trước tình cảnh cô đơn và nỗi niềm âu lo, ngóng đợi trong mỏi mòn của người ở lại;+ Khúc ngâm còn là sự chia sẻ với tâm trạng bịn rịn lưu luyến không muốn rời đi của người chinh phu khi bước vào cuộc chiến tranh phong kiến phi nghĩa.+ …* Không đồng tình. Vì:

+ Khúc ngâm chỉ là nỗi niềm của người ở lại (chinh phụ), do đó chỉ là nỗi thương cảm của nhà thơ dành người ở lại chứ không dành cho người ra đi.+ Người ra đi rất hào hùng, khí thế, nên không thể hiện sự thương cảm của nhà thơ.*(HS có thể lựa chọn 1 trong 2 cách trả lời trên)* | **0.5****0.5** |
| **Phần II** | 1 | \* Hình thức: Đoạn văn\* Nội dung**- Giới thiệu vấn đề nghị luận:** Vai trò của gia đình**- Giải thích:** Gia đình là một cộng đồng người sống chung và gắn bó với nhau bởi các mối quan hệ tình cảm, quan hệ hôn nhân và quan hệ huyết thống.**- Vai trò**+ Gia đình là nơi nuôi dưỡng ta lớn lên thành người. Là nơi hình thành nền tảng, đạo đức, nhân cách, đặc biệt là giai đoạn đầu đời.+ Đặc biệt là những lúc ta gặp thất bại, khó khăn, gia đình chính là điểm tựa bình yên cho ta. Nhờ có gia đình mà những lúc gặp sóng gió, khổ đau, ta cảm thấy được an ủi, chở che, vỗ về, nâng đỡ...+ Gia đình chính là điểm tựa bình yên,vững vàng để giúp mỗi con người có thể đạt được thành công trong cuộc sống...+ Là hạt nhân cốt lõi để mọi người thấy đó là nguồn cội; là nơi đi về; là quê hương, Tổ quốc mình.+ Gia đình không chỉ là điểm tựa vững chắc cho mỗi thành viên mà còn là cầu nối của xã hội. Gia đình hạnh phúc, bình yên thì xã hội văn minh, tốt đẹp.... **- Dẫn chứng**: Những bộ phim nổi tiếng của truyền hình Việt Nam như *“Về nhà đi con”, “Trở về giữa yêu thương”, “Thương ngày nắng về”* đều cho ta thấy gia đình là điểm tựa bình yên nhất trong cuộc đời mỗi con người”.**- Bài học hành động:** + Ta cần yêu thương, quan tâm, trân trọng những người thân của mình...+ Mỗi chúng ta cần phải biết gìn giữ và xây dựng gia đình hạnh phúc, mang tiếng cười, niềm vui đến cho gia đình... | **0.25****1.75** |
|  | Em hãy viết bài văn phân tích văn bản *Ai tư vãn* của Lê Ngọc Hân. | **4,0** |
| *a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài*Xác định được yêu cầu của kiểu bài: Viết bài nghị luận phân tích tác phẩm thơ song thất lục bát. | **0,25** |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*Nội dung chủ đề và đặc sắc nghệ thuật của văn bản *Ai tư vãn*. | **0,5** |
| *c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận:* - Xác định được các ý chính của bài viết- Sắp xếp được các ý theo bố cục hợp lí ba phần của bài văn nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:**1. Mở bài** Trong văn học Việt Nam, có những hiện tượng hi hữu, đó là có những tác giả trong suốt sự nghiệp chỉ sáng tác một bài thơ, mà bài lại là loại thơ có thể lưu truyền hậu thế, có sức sống vượt thời gian. Một trong số hiếm ấy là tác giả Lê Ngọc Hân và bài thơ *Ai tư vãn*. Thi phẩm là dòng huyết lệ của nỗi buồn đau tưởng nhớ, tiếng khóc thành thơ của một bà hoàng, một trong những tác phẩm sáng giá nhất (và có thể là sớm nhất) viết về người anh hùng kiệt xuất Quang Trung Nguyễn Huệ.**2. Thân bài:****\*Khái quát:** Lê Ngọc Hân (1770 - 1799) là con gái thứ 21 của vua Lê Hiển Tông, kết duyên với Nguyễn Huệ lúc ông kéo quân ra Bắc với danh nghĩa phù Lê diệt Trịnh. Sau đó, Nguyễn Huệ lên làm vua, phong Ngọc Hân làm Bắc cung Hoàng hậu. Năm 1792, Hoàng đế Quang Trung băng hà, Ngọc Hân rất đau khổ, bà làm bài *Ai tư vãn* để khóc chồng. Văn bản đoạn trích trên nói lên phần nào tâm trạng của hoàng hậu trước sự ra đi của người chồng.**Luận điểm 1: Phân tích nội dung chủ đề của văn bản.****- Tám câu thơ đầu tái hiện thực tại mất mát, tang thương của nhân vật trữ tình:***Gió hiu hắt, phòng tiêu lạnh lẽo,**Trước thềm lan hoa héo ron ron!**Cầu Tiên khói toả đỉnh non,**Xe rồng thăm thẳm, bóng loan rầu rầu!**Nỗi lai lịch dễ hầu than thở,**Trách nhân duyên mờ lỡ cớ sao?**Sầu sầu, thảm thảm xiết bao,**Sầu đầy giạt bể, thảm cao ngất trời!*+ Bút pháp tả cảnh ngụ tình được vận dụng tuyệt khéo, tuyệt hay. Người vợ mượn những hình ảnh*phòng tiêu lạnh lẽo, hoa héo ron ron* để gợi nỗi lòng sầu héo, bi thương trước thực tại  *Xe rồng thăm thẳm, bóng loan rầu rầu*. + Những từ ngữ trực tiếp diễn tả tâm trạng cũng phát huy tác dụng trong việc biểu đạt nỗi lòng bi ai, sầu héo của nhân vật trữ tình trước mất mát lớn lao của cuộc đời: *rầu rầu, sầu sầu, thảm thảm,…*+ Hình ảnh ẩn dụ lồng trong lối nói quá ở dòng thơ *Sầu đầy giạt bể, thảm cao ngất trời* đặc tả nỗi sầu thảm chẳng gì đong đếm hết của người vợ khi đức lang quân qua đời. Nỗi sầu, thảm vốn chỉ có thể cảm nhận bằng cảm giác, cảm xúc, nhưng ở đây lại được cụ thể hoá như có thể nhìn thấy được *đầy giạt bể, cao ngất trời*. **- Hai hai dòng thơ tiếp theo là sự hồi tưởng về những tháng ngày hạnh phúc của nghĩa tình phu phụ.**+ Mạch tâm trạng của chủ thể trữ tình trong “*Ai tư vãn*”, theo chiều thời gian, chạy suốt từ quá khứ tới hiện tại, từ nỗi nhớ về hình ảnh lúc sinh thời của người đã khuất tới những cảm nhận về sự mất mát đang hiện hữu quanh mình. Thoạt tiên là nỗi nhớ về “khởi điểm của mọi khởi điểm”, tức lúc đôi trai tài gái sắc kết duyên phu phụ: *Từ cờ thắm trỏ vời cõi Bắc,**Nghĩa tôn phò vằng vặc bóng dương,**Rút dây vâng mệnh phụ hoàng,**Thuyền lan, chèo quế thuận đường vu qui.*Ngọc Hân công chúa không “giấu giếm” sự thật về cuộc hôn nhân của mình: bốn chữ “*vâng mệnh phụ hoàng*” đã cho thấy đó là cuộc hôn nhân vương giả với không ít những ý đồ, những mưu toan chính trị của cả hai bên được ẩn vào bên trong. + Vâng mệnh vua cha, nàng công chúa nhà Lê theo chồng về dinh.*Sang yêu muôn đội ơn trên,**Rỡ ràng vẻ thuý, nối chen tiếng cầm.**Lượng che chở, vụng lầm nào kể,**Phận đinh ninh cặn kẽ mọi lời,**Dầu rằng non nước biến dời,**Nguồn tình ắt chẳng chút vơi đâu là.**Lòng đùm bọc thương hoa đoái cội,**Khắp tôn thân cũng đội ơn sang,**Miếu đường còn dấu chưng thường,**Tùng thu còn rậm mấy hàng xanh xanh.*Nàng một lòng một dạ với chồng và người chồng cũng rất trân trọng người vợ của mình. Vì vợ mà vị hoàng đế Quang Trung cũng giành cho vương triều nhà Lê những ân sủng nhất định: *Khắp tôn thân cũng đội ơn sang - Miếu đường còn dấu chưng thường*.+ Vượt qua những toan tính thực dụng ban đầu của cuộc hôn nhân vương giả, Lê Ngọc Hân và Nguyễn Huệ đã sống một đời sống vợ chồng chứa chan tình nghĩa:*Nhờ hồng phúc, đôi cành hoè quế,**Đượm hơi dương, dây rễ cùng tươi.* Họ cùng nhau mơ ước tới sự lâu bền của hạnh phúc lứa đôi giản dị đích thực như bao cặp phu phụ trong nhân gian:*Những ao ước trập trùng tuổi hạc,**Nguyền trăm năm ngỡ được vầy vui,*- **Mười dòng thơ tiếp theo là nỗi đau ly biệt:**+ Khi vua Quang Trung lâm trọng bệnh, cùng với quần thần trăm họ, Hoàng hậu Lê Ngọc Hân đã hết lòng thuốc thang, lễ bái thần Phật để chữa bệnh, đảo mệnh cho chồng:*Từ nắng hạ, mưa thu trái tiết,**Xót mình rồng mỏi mệt chẳng yên!**Xiết bao kinh sợ lo phiền,**Miếu thần đã đảo, thuốc tiên lại cầu.**Khắp mọi chốn đâu đâu tìm rước.**Phương pháp nào đổi được cùng chăng?*+ Thế nhưng: “*Ngán thay máy Tạo đất bằng/ Bóng mây thoắt đã ngất chừng xe loan*!”. Dẫu là Thiên tử cũng không thể cưỡng mệnh trời, Quang Trung băng hà, để lại một sự nghiệp hiển hách với bao hoài bão to lớn chưa kịp thực hiện, để lại trên đời vợ góa con côi. - **Mười hai câu thơ cuối là nỗi đau đớn khôn nguôi cùng niềm lo lắng cho tương lai thân phận thê nhi sau cái chết của chồng**:+ Chốn triều đường nhiều ganh đua, đố kị, nàng Hậu họ Lê theo chồng vào kinh chỉ biết nương tựa vào chồng. Giờ khi Hoàng đế băng hà, bà không khỏi lo lắng, hoang mang, kinh sợ cho tương lai của mình và các con nhỏ:*Lênh đênh chút phận bèo mây,**Duyên kia đã vậy, thân này nương đâu!**Trằn trọc luống đêm thâu, ngày tối,**Biết cậy ai dập nỗi bi thương?*Những từ láy tượng hình, những câu hỏi tu từ chất chứa bao nỗi băn khoăn, trăn trở của vị Hoàng hậu họ Lê: *lênh đênh*, *chút phận bèo mây*, *thân này nương đâu*. Nỗi phiền lo biến thành niềm ám ảnh khiến bà mất ăn mất ngủ *trằn trọc luống đêm thâu, ngày tối*, héo hon, mòn mỏi tấm thân, cõi lòng.+ Người thác, nhưng còn dư ảnh. Và chính cái dư ảnh ấy đã khiến cho người đang sống không ít phen phải rơi vào trạng thái nửa thực nửa mộng, tựa như bị thôi miên:*Trong mong luống những mơ màng,**Mơ hồ bằng mộng, bàng hoàng như say.**Khi trận gió, hoa bay thấp thoáng,**Ngỡ hương trời bảng lảng còn đâu:**Vội vàng sửa áo lên chầu,**Thương ôi, quạnh quẽ trước lầu nhện chăng!*Đọc những câu Ngọc Hân công chúa ghi lại sự trải nghiệm cá nhân này, không hồ nghi gì nữa, cái tình thực của cổ nhân đã hằn trên dòng chảy thời gian, như một minh chứng cho nỗi đau khôn xiết.=> Nếu xét tới “thân thế” của tác giả, người đọc tất sẽ không tránh khỏi cảm giác ngậm ngùi khi đọc đoạn thơ này. Không còn là một bà hoàng sống trong nhung lụa và đau nỗi đau vương giả nữa. Tuyệt nhiên không. Chỉ còn là một góa phụ, một người đàn bà hết sức bình thường đang sống trong tâm trạng đầy sợ hãi khi phải đối diện với viễn cảnh mẹ góa con côi bơ vơ giữa biển đời dông tố!**b. Phân tích một số đặc sắc nghệ thuật và hiệu quả thẩm mĩ của nó.**- Thể thơ song thất lục bát với quy định rất chặt chẽ về vần, về nhịp. + Vần chân xen vần lưng, vần trắc xen lẫn vần bằng. Chẳng hạn ở khổ thơ thứ nhất:*Từ cờ thắm trỏ vời cõi* ***Bắc****,* T*Nghĩa tôn phò vằng* ***vặc*** *bóng* ***dương****,*T B*Rút dây vâng mệnh phụ* ***hoàng****,* B*Thuyền lan, chèo quế thuận* ***đường*** *vu qui*. B+ Nhịp thơ của cặp câu lục chủ yếu nhịp chẵn, lẻ (3/4), ví dụ hai câu:*Từ nắng hạ,/ mưa thu trái tiết,**Xót mình rồng/ mỏi mệt chẳng yên!*Cặp lục bát chủ yếu ngắt nhịp chẵn, ví dụ hai câu sau:*Vội vàng/ sửa áo/ lên chầu,**Thương ôi,/ quạnh quẽ trước lầu/ nhện chăng!*Vần nhịp ấy góp phần tạo nên giọng điệu riêng của đoạn thơ: vừa kể việc, vừa trải nỗi niềm, vừa đầy sầu đau bi thiết, vừa đau đáu nỗi lo thương phận xót người.+ Đặc biệt, thể thơ song thất lục bát rất phù hợp với việc biểu đạt nội dung của đoạn thơ. Nhân vật trữ tình là người vợ đang khóc chồng. Nỗi đau sinh ly tử biệt muôn đời vẫn luôn là mất mát lớn lao với bất kì ai, hơn nữa đây lại là sự ra đi của một bậc quân vương, nên nỗi đau đớn, mất mát càng không thể bù đắp được.- Ngôn ngữ, hình ảnh thơ gần gũi, quen thuộc mà giàu giá trị biểu cảm. Sử dụng kết hợp các biện pháp tu từ như biện pháp so sánh, ẩn dụ,… Bút pháp tả cảnh ngụ tình tài hoa. Tất cả đã diễn tả sâu sắc, thấm thía nỗi niềm của bà Hoàng hậu họ Lê trước sự ra đi của người chồng.\* Đánh giá mở rộng:- Khái quát về nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ: Đoạn thơ trích trong “*Ai tư vãn*” là một đoạn thơ mẫu mực của thể thơ song thất lục bát thuần tuý dân tộc với vần nhịp, giọng điệu phù hợp để diễn tả tâm sự, nỗi niềm của người vợ trong không gian, thời gian cụ thể là trước sự ra đi của người chồng.- Liên hệ mở rộng:  “Nhà thơ một bài” Lê Ngọc Hân, nếu xét từ giác độ một sự nghiệp văn chương cũng như sự độc đáo trong phong cách nghệ thuật thì có thể “lép” hơn một chút so với các tác giả trung đại nổi tiếng với thể song thất lục bát, song bà vẫn có một vị thế riêng. *Ai tư vãn*, như chính tên gọi của nó - bài vãn ca về nỗi buồn đau tưởng nhớ - là tác phẩm nói lên một tâm trạng, chứ không phải tác phẩm chuyển tải một luận đề hay kể lại một câu chuyện. Và đây là tâm trạng của chính tác giả - Ngọc Hân công chúa, một con người cụ thể, được lưu lại trong biên niên sử - chứ không phải tâm trạng của một nhân vật văn chương (người vợ có chồng đi lính trong "Chinh phụ ngâm", hay người cung nữ bị thất sủng trong "Cung oán ngâm"). Tâm trạng ấy khởi lên từ mối quan hệ với một con người cũng rất cụ thể, được lưu lại trong biên niên sử - hoàng đế Quang Trung - chứ không phải từ một nhân vật của văn chương (người chinh phu trong "Chinh phụ ngâm", hay đấng thiên tử háo sắc và bạc bẽo trong "Cung oán ngâm").**3. Kết bài:** - Khái quát giá trị bài thơ và nêu tác động của bài thơ này đối với cá nhân em. “*Ai tư vãn*” là dòng huyết lệ của nỗi buồn đau tưởng nhớ, tiếng khóc thành thơ của một bà hoàng, một trong những tác phẩm sáng giá nhất (và có thể là sớm nhất) viết về người anh hùng kiệt xuất Quang Trung Nguyễn Huệ. Bấy nhiêu đó có lẽ đã là quá đủ để Ngọc Hân công chúa lưu danh trong lịch sử văn chương dân tộc. Bài thơ giúp người đọc chúng ta hôm nay hiểu hơn về thế hệ tiền nhân, đồng thời bồi đắp cho con người tình cảm biết đồng cảm, chia sẻ với nỗi buồn đau của con người trong cuộc sống. | **1,0** |
| *d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:*- Đảm bảo cấu trúc: Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.- Triển khai ít nhất được hai luận điểm để làm rõ vấn đề nghị luận.- Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận.- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. | **1,5** |
| *đ. Diễn đạt*Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản. | **0,25** |
| *e. Sáng tạo*Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | **0,5** |

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com